

Ngày 31/03/2024	6,160 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.2%	15.4%	18.5%

	2023	
ROE	7.5%	+/- YoY ▲ 14.1%

	Q1/24		
DT thuần	1,657	QoQ ▲ 179 ▲ 12.1%	YoY ▼ 761 ▼ 31.5%
	tỷ VNĐ		

	2023	
DT thuần	7,882	YoY ▼ 2,783 ▼ 26.1%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN gộp	103	QoQ ▲ 4.90 ▲ 5.3%	YoY ▼ 11.0 ▼ 9.4%
	tỷ VNĐ		

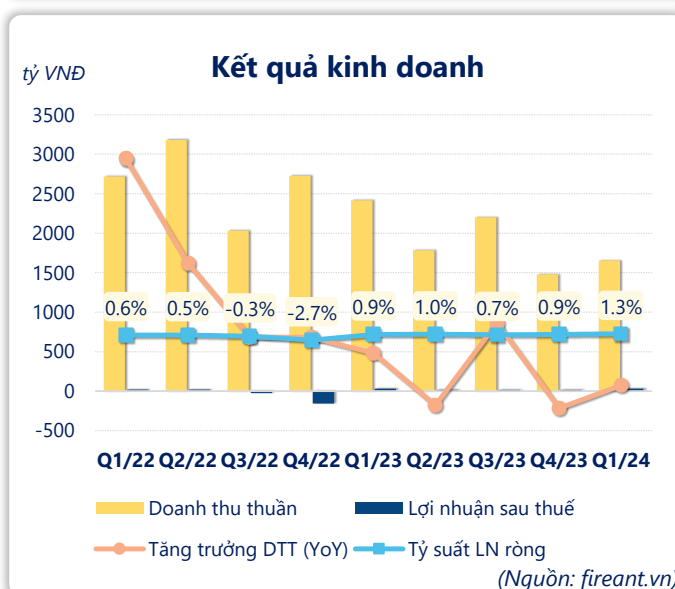
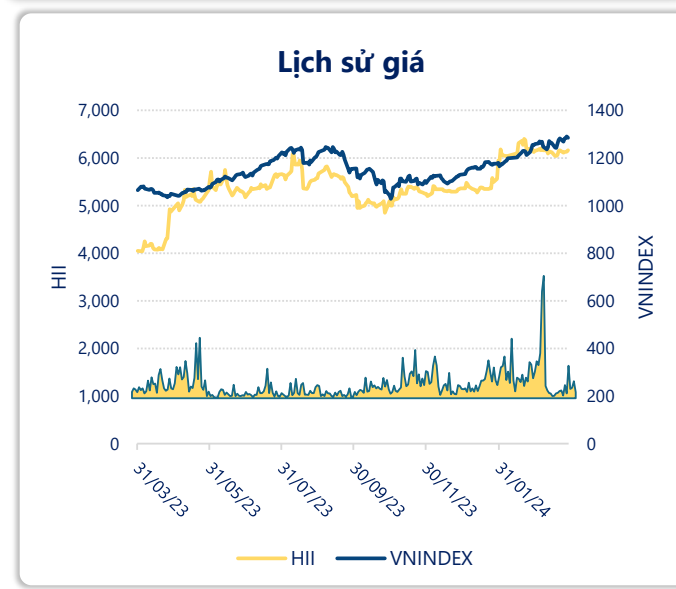
	2023	
LN gộp	419	YoY ▲ 186 ▲ 79.9%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN thuần	33.3	QoQ ▲ 15.1 ▲ 83.1%	
	tỷ VNĐ		

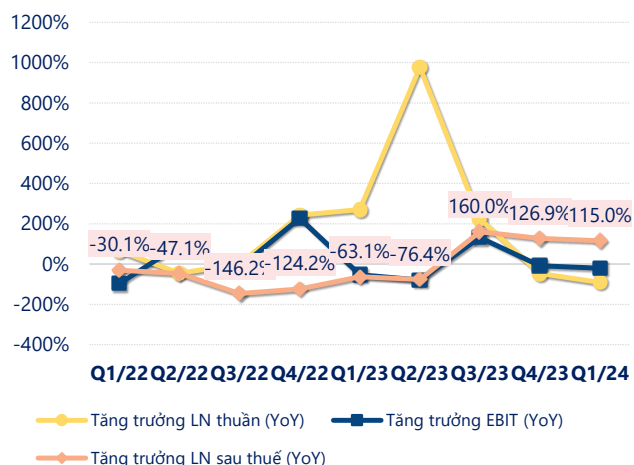
	2023	
LN thuần	77.4	YoY ▲ 211 ▲ 158%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN sau thuế	30.8	QoQ ▲ 13.7 ▲ 79.9%	YoY ▼ 1.60 ▼ 5.1%
	tỷ VNĐ		

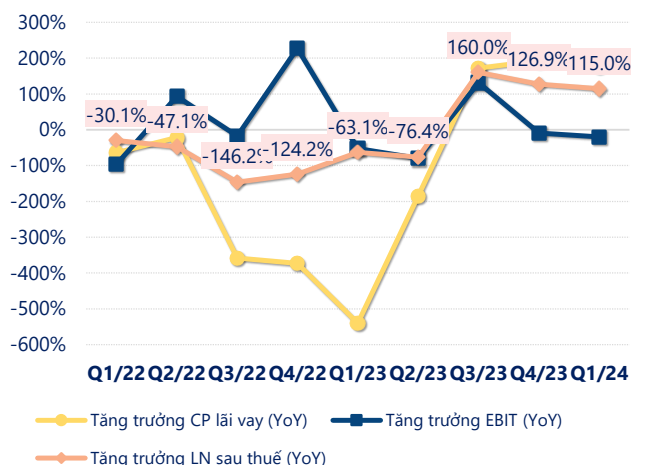
	2023	
LN sau thuế	80.1	YoY ▲ 223 ▲ 156%
	tỷ VNĐ	



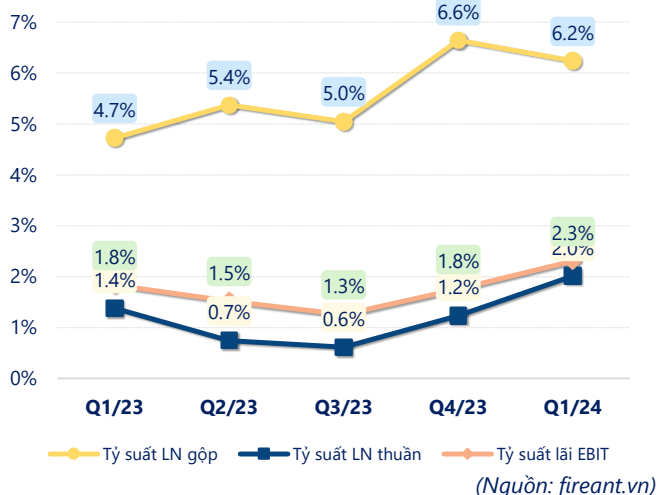
Tăng trưởng lợi nhuận



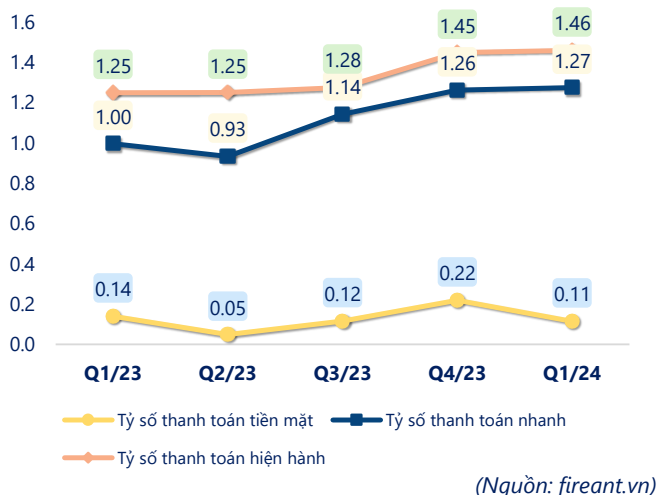
Tăng trưởng chi phí



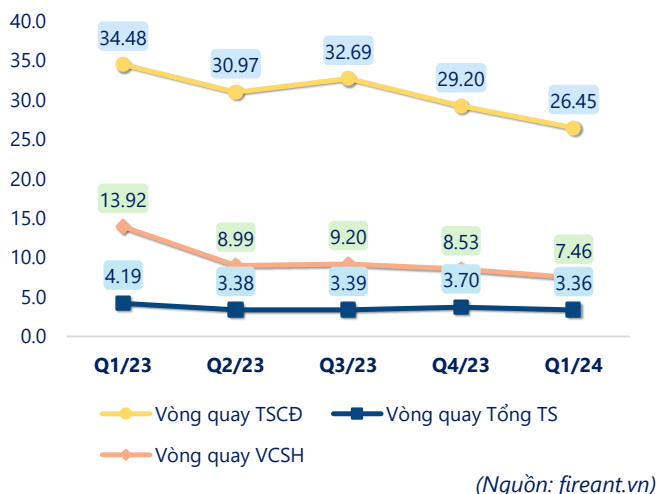
Tỷ suất lợi nhuận



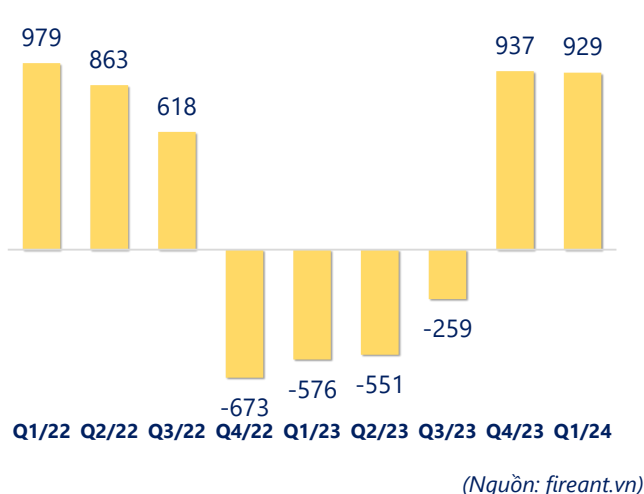
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,657	2,418	-31.5%	7,882	10,665	-26.1%
Giá vốn hàng bán	1,554	2,304	-32.5%	7,462	10,432	-28.5%
Lợi nhuận gộp	103	114	-9.4%	419	233	79.9%
Doanh thu HĐTC	9.41	11.9	-20.9%	53.0	68.9	-23.1%
Chi phí TC	5.99	16.9	-64.5%	55.0	79.5	-30.8%
Chi phí lãi vay	4.83	10.5	-54.0%	41.7	49.3	-15.5%
LN trong công ty LKLD	1.90	-2.47	177%	1.50	-3.90	139%
Chi phí bán hàng	56.1	53.9	4.0%	261	273	-4.6%
Chi phí QLDN	19.3	19.6	-1.8%	80.8	79.8	1.3%
LN thuần từ HĐKD	33.3	33.3	0.1%	77.4	-134	158%
Lợi nhuận khác	0.04	0.52	-91.9%	5.99	-3.11	293%
LN trước thuế	33.4	33.9	-1.6%	83.4	-138	161%
Lợi nhuận sau thuế	30.8	32.4	-5.1%	80.1	-143	156%
LNST của CĐ cty mẹ	21.8	22.4	-2.6%	69.3	-50.8	237%

(Nguồn: fireant.vn)

